

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM  
BẾN TRE**


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**


Số : ~~477~~ /DBT  
Về việc công bố thông tin BCTC  
giữa niên độ 2015 đã được soát xét

Bến Tre, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Điện thoại : 075.3835 194 – 075.3560 223 Fax : 075.3827467.
5. Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
6. Nội dung của thông tin công bố : Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. 

Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
Giám đốc 

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu : TCHC.



*DS Võ Minh Tân*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM  
BẾN TRE**

Số: ~~A7~~CTD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bến Tre, ngày 13 tháng 8 năm 2015*

*"V/v công bố thông tin 6 tháng đầu năm 2015"*

*Kính gửi:* - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre.
4. Điện thoại: 0753560223. Fax: 0753824248
5. Người thực hiện công bố thông tin: DS VÕ MINH TÂN – Giám đốc Công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1. Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE lập ngày 28 tháng 7 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.
    - Nội dung giải trình: Giải trình chênh lệch >10% của lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm trước: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2015 tăng so 6 tháng đầu năm 2014 là 3.707.933.381 đồng (tương đương 66,53%) nguyên nhân chủ yếu là do lãi gộp, doanh thu hoạt động tài chính tăng và chi phí từ hoạt động kinh doanh giảm.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. ✓

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCHC

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT ✓



**GIÁM ĐỐC**  
*DS Võ Minh Tân*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC**  
**NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỰỢC PHẨM BẾN TRE**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 46
8. Phụ lục	47 - 48

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty dược và vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (075) 813447 – 822429 - 829528
- Fax : (075) 824248

**Các đơn vị trực thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Đông dược	Số 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực I	Số 179 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, TP. Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực III	Số 97 đường Công Lý, khu phố 2, Thị trấn Mỏ Cà, tỉnh Bến Tre

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người.
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê kho bãi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cho thuê mặt bằng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng).
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Vân Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2015

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Phan Trường Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Trần Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Minh Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Lê Phước Lễ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Tân - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014).

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc,

**Võ Minh Tân**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0709/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 48 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

**Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>357.526.479.004</b>	<b>264.997.068.621</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17.593.787.306</b>	<b>12.489.476.885</b>
1. Tiền	111		17.255.470.789	12.489.476.885
2. Các khoản tương đương tiền	112		338.316.517	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.054.726.533</b>	<b>1.061.086.533</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.152.086.539	1.152.086.539
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(181.830.006)	(91.000.006)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	5.084.470.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.025.897.522</b>	<b>73.836.710.579</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	81.184.523.704	62.214.720.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.990.115.000	2.613.540.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.284.218.537	9.441.409.459
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(432.959.719)	(432.959.719)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>228.125.583.545</b>	<b>173.961.143.431</b>
1. Hàng tồn kho	141		230.149.120.358	175.984.680.244
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.023.536.813)	(2.023.536.813)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.726.484.098</b>	<b>3.648.651.193</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	21.670.412	23.753.612
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.331.763.229	3.216.892.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	373.050.457	408.004.928
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**A**  
 H-T.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.275.449.845</b>	<b>51.334.309.886</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>96.400.000</b>	<b>96.400.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	96.400.000	96.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.685.000.191</b>	<b>29.234.170.726</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.081.383.723	23.520.051.838
- Nguyên giá	222		44.777.279.271	44.688.379.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.695.895.548)	(21.168.327.698)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	885.063.704	948.282.542
- Nguyên giá	225		1.264.376.732	1.264.376.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(379.313.028)	(316.094.190)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.718.552.764	4.765.836.346
- Nguyên giá	228		5.234.046.000	5.234.046.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(515.493.236)	(468.209.654)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		125.214.090	125.214.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(125.214.090)	(125.214.090)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>66.363.636</b>	<b>339.090.909</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	66.363.636	339.090.909
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>25.004.399.252</b>	<b>18.086.767.252</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	14.226.953.252	14.226.953.252
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10.777.446.000	3.859.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.423.286.766</b>	<b>3.577.880.999</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.423.286.766	3.577.880.999
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>413.801.928.849</b>	<b>316.331.378.507</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>312.883.938.038</b>	<b>223.557.647.054</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>312.485.123.662</b>	<b>222.926.632.678</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	135.425.150.880	85.186.179.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	431.495.148	454.188.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.982.182.030	2.428.058.036
4. Phải trả người lao động	314	V.17	8.369.489.185	3.553.071.022
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.676.976.080	2.833.280.958
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.268.565.534	1.104.667.110
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	162.604.034.931	127.328.576.131
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	727.229.874	38.611.836
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>398.814.376</b>	<b>631.014.376</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	57.081.000	57.081.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	341.733.376	573.933.376
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15/6  
 TỶ  
 TỬ VẢ  
 CHỈ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>100.917.990.811</b>	<b>92.773.731.453</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>100.867.990.811</b>	<b>92.723.731.453</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	69.998.950.000	69.998.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		69.998.950.000	69.998.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	18.918.036.052	10.773.776.694
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.637.020.056	10.773.776.694
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.281.015.996	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>413.801.928.849</b>	<b>316.331.378.507</b>



Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân  
Giám đốc

Bến Tre, ngày 28 tháng 7 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

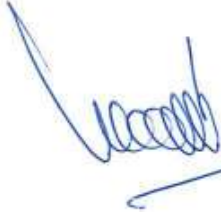
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	267.015.965.209	261.528.589.322
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.943.753.302	2.445.516.244
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		265.072.211.907	259.083.073.078
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	205.011.847.044	200.769.863.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.060.364.863	58.313.209.755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.488.699.456	2.737.292.194
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.575.483.140	6.666.511.596
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.066.971.492	4.932.055.070
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	31.196.282.668	43.935.640.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.958.771.192	7.135.224.508
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.818.527.319	3.313.124.846
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.159.132.566	4.110.203.654
12. Chi phí khác	32	VI.9	89.320.872	6.769.209
13. Lợi nhuận khác	40		3.069.811.694	4.103.434.445
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.888.339.013	7.416.559.291
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	2.607.323.017	1.843.476.676
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.281.015.996</u>	<u>5.573.082.615</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.299</u>	<u>1.701</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>1.299</u>	<u>1.701</u>



Bến Tre, ngày 28 tháng 7 năm 2015

  
 Nguyễn Thanh Trúc  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Chí Cường  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Minh Tân  
 Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.888.339.013	7.416.559.291
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	1.892.269.336	1.869.829.884
- Các khoản dự phòng	03	V.2a	90.830.000	20.585.254
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	812.023.037	401.559.836
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 9	(2.085.901.803)	(1.062.667.521)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.066.971.492	4.932.055.070
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.664.531.075	13.577.921.814
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.202.014.376)	(10.420.804.761)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54.164.440.114)	(3.454.647.677)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		52.305.331.038	(3.571.247.968)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		156.677.433	685.055.697
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(3.978.122.534)	(4.820.826.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.227.511.427)	(2.513.564.100)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.941.962.972	10.744.805.582
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(688.675.244)	(11.302.330.477)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.192.261.177)</b>	<b>(11.075.638.557)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 13	(159.545.455)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.672.284.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.587.814.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c, 4	(20.686.147.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	2.175.075.730	1.062.667.521
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.755.086.725)</b>	<b>1.062.667.521</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

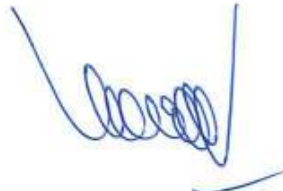
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	212.121.640.318	207.912.740.105
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(176.981.181.518)	(195.862.130.571)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.20a	(97.200.000)	(97.200.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a	(660.000)	(2.976.770.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>35.042.598.800</i></u>	<u><i>8.976.639.534</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.095.250.898	(1.036.331.502)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.489.476.885	14.244.442.067
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.059.523	3.452.119
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>17.593.787.306</u>	<u>13.211.562.684</u>

Bến Tre, ngày 28 tháng 7 năm 2015



Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân  
Giám đốc

4488  
CÔNG TY  
THIỆM HỮU  
AN VÀ T  
& C  
T.PHỐ

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, sự sụt giảm giá của EUR ảnh hưởng đến giá nhập khẩu thuốc từ đó góp phần tăng lợi nhuận cho Công ty

#### 6. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty liên doanh Meyer - BPC có trụ sở chính tại 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh này là sản xuất thuốc. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên doanh này là 60%.

Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh Meyer – BPC là 60% nhưng theo thỏa thuận các quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này chỉ được thực hiện trên cơ sở đồng thuận (tỷ lệ quyền biểu quyết 50:50). Do vậy Công ty liên doanh Meyer - BPC không bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty liên doanh Meyer – BPC được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 362 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 396 nhân viên).

9.01  
Y  
U HẠN  
Ư VẤN  
CHÍNH



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

004  
CỘNG  
HỘI  
TOÁN  
A  
V.V.T.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

1981  
GT  
NH  
VAT  
C  
HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

##### *Các chi phí trả trước khác*

Chi phí sửa chữa văn phòng, cửa hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính là 10 năm.

#### **10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 6 năm.

#### **11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

10446  
ÔNG  
- NHIÊN  
- CÁNH V  
A &  
- T.P

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 23. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

18.  
TY  
HỮU  
TƯ  
C  
HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	220.952.834	126.157.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.034.517.955	12.363.319.070
Các khoản tương đương tiền <sup>(i)</sup>	338.316.517	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.593.787.306</u></b>	<b><u>12.489.476.885</u></b>

<sup>(i)</sup> Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời hạn 1 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, lãi nhập vốn. Các khoản tiền gửi này được cầm cố để bảo đảm cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư và công nghiệp Tân Tạo	305.155.948	221.000.000	(84.155.948)	305.155.948	272.000.000	(33.155.948)
Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	594.653.053	526.320.000	(68.333.053)	594.653.053	555.900.000	(38.753.053)
Các cổ phiếu khác	252.277.538	228.363.000	(29.341.005)	252.277.538	235.421.000	(19.091.005)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.152.086.539</u></b>	<b><u>975.683.000</u></b>	<b><u>(181.830.006)</u></b>	<b><u>1.152.086.539</u></b>	<b><u>1.063.321.000</u></b>	<b><u>(91.000.006)</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.037.041.032	-	7.868.556.931	-
Tạm ứng	1.137.601.139	-	838.701.460	-
Các khoản chi hộ - Thuế Thu nhập cá nhân	32.751.475	-	604.469.027	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế tài chính chưa kê khai khấu trừ	26.774.533	-	129.682.041	-
Các khoản khác	50.050.358	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.284.218.537</b>	<b>-</b>	<b>9.441.409.459</b>	<b>-</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản ký quỹ đảm bảo tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số 14/2011/CN1-CTTC ngày 02 tháng 6 năm 2011.

**6. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi		Giá trị có thể thu hồi	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dưới 6 tháng	12.943.981.967	12.943.981.967	11.228.185.350	11.228.185.350
Từ 6 tháng đến 1 năm	1.894.565.991	1.894.565.991	889.982.531	889.982.531
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	430.181.880	341.642.469	107.416.061	16.276.650
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	119.915.850	-	120.272.850	-
Trên 3 năm	224.504.458	-	221.547.458	-
<b>Cộng</b>	<b>15.613.150.146</b>	<b>15.180.190.427</b>	<b>12.567.404.250</b>	<b>12.134.444.531</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	147.658.203	-	4.009.034.860	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.126.398.492	-	1.328.059.949	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.460.773	-	49.878.259	-
Hàng hóa	228.815.602.890 (2.023.536.813)		170.597.707.176 (2.023.536.813)	
<b>Cộng</b>	<b>230.149.120.358 (2.023.536.813)</b>		<b>175.984.680.244 (2.023.536.813)</b>	

Giá trị hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) gần hết hạn sử dụng khó tiêu thụ cuối kỳ là 3.618.683.273 VND (số đầu năm là 4.109.350.848 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(2.023.536.813)	(1.429.420.797)
Hoàn nhập dự phòng	-	114.682.033
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(2.023.536.813)</b>	<b>(1.314.738.764)</b>

  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 DƯỢC PHẨM  
 BẾN TRE  
 & C  
 P.HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.430.412	23.753.612
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.240.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.670.412</b>	<b>23.753.612</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.102.987.166	3.153.035.350
Công cụ, dụng cụ	283.794.661	357.130.658
Các chi phí trả trước dài hạn khác	36.504.939	67.714.991
<b>Cộng</b>	<b>3.423.286.766</b>	<b>3.577.880.999</b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	28.940.497.805	2.431.508.494	5.416.031.691	7.900.341.546	44.688.379.536
Tăng trong kỳ	-	105.000.000	-	327.272.728	432.272.728
Mua sắm mới	-	105.000.000	-	-	105.000.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	327.272.728	327.272.728
Thanh lý trong kỳ	(200.328.193)	-	-	(143.044.800)	(343.372.993)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.740.169.612</b>	<b>2.536.508.494</b>	<b>5.416.031.691</b>	<b>8.084.569.474</b>	<b>44.777.279.271</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	986.022.739	180.021.169	1.343.616.753	-	2.509.660.661
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.768.496.600	1.146.022.810	3.519.034.715	3.734.773.573	21.168.327.698
Khấu hao trong kỳ	888.885.859	187.921.566	244.760.836	460.198.655	1.781.766.916
Thanh lý trong kỳ	(175.524.426)	-	-	(78.674.640)	(254.199.066)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.481.858.033</b>	<b>1.333.944.376</b>	<b>3.763.795.551</b>	<b>4.116.297.588</b>	<b>22.695.895.548</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.172.001.205	1.285.485.684	1.896.996.976	4.165.567.973	23.520.051.838
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.258.311.579</b>	<b>1.202.564.119</b>	<b>1.652.236.140</b>	<b>3.968.271.885</b>	<b>22.081.383.723</b>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 16.125.249.968 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21a).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	1.264.376.732
Số cuối kỳ	<u>1.264.376.732</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	316.094.190
Khấu hao trong kỳ	63.218.838
Số cuối kỳ	<u>379.313.028</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	948.282.542
Số cuối kỳ	<u>885.063.704</u>

Theo hợp đồng cho thuê tài chính số 14/2011/CN1-CTTC ngày 02 tháng 6 năm 2011, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	5.234.046.000
Số cuối kỳ	<u>5.234.046.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	468.209.654
Khấu hao trong năm	47.283.582
Số cuối kỳ	<u>515.493.236</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	4.765.836.346
Số cuối kỳ	<u>4.718.552.764</u>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21a).

#### 12. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	125.214.090
Số cuối kỳ	<u>125.214.090</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Quyền sử dụng đất**

<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	125.214.090
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>125.214.090</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	-	49.484.071
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang:				
- Công trình xây dựng bể nước chữa cháy tại KCN Tân Tạo	272.727.273	54.545.455	(327.272.728)	-
- Công trình lắp đặt hệ thống PCCC tại KCN Tân Tạo	66.363.636	-	-	66.363.636
<b>Cộng</b>	<b>339.090.909</b>	<b>54.545.455</b>	<b>(327.272.728)</b>	<b>66.363.636</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>8.353.217.092</b>	<b>10.013.229.135</b>
Công ty liên doanh Meyer - BPC	8.353.217.092	10.013.229.135
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>127.071.933.788</b>	<b>75.172.950.376</b>
Meditop Pharmaceutical Ltd	10.173.087.177	2.429.809.980
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd	86.346.983.926	26.375.365.668
Human Bioplazma Manufacturing and Trading	-	14.659.415.425
Các nhà cung cấp khác	30.551.862.685	31.708.359.303
<b>Cộng</b>	<b>135.425.150.880</b>	<b>85.186.179.511</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phú Thành	429.021.243	454.188.074
Các khách hàng khác	2.473.905	-
<b>Cộng</b>	<b><u>431.495.148</u></b>	<b><u>454.188.074</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.888.339.013	7.416.559.291
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.130.919.594	951.403.524
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	14.019.258.607	8.367.962.815
Thu nhập được miễn thuế	(2.167.790.348)	(965.427.600)
Thu nhập tính thuế	11.851.468.259	7.402.535.215
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>2.607.323.017</b>	<b>1.628.557.746</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>214.918.930</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>2.607.323.017</u></b>	<b><u>1.843.476.676</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

 ISO  
 CE  
 CHA  
 M TO  
 A  
 /NH-



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/ĐHĐCĐTN2014 ngày 17 tháng 4 năm 2015, quỹ lương năm 2015 không vượt quá 20% doanh thu năm 2015, đồng thời phải bảo đảm lợi nhuận được giao năm 2015 ít nhất bằng 90% kế hoạch được giao.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty tạm trích quỹ lương bằng 12% doanh thu 6 tháng đầu năm 2015.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>14.062.500</i>	-
Giám đốc Công ty – Chi phí lãi vay	14.062.500	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.662.913.580</i>	<i>2.833.280.958</i>
Chi phí lãi vay phải trả	74.786.458	-
Chi phí khuyến mãi	1.588.127.122	2.833.280.958
<b>Cộng</b>	<b><u>1.676.976.080</u></b>	<b><u>2.833.280.958</u></b>

### 19. Phải trả khác

#### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	179.427.144	123.557.004
Bảo hiểm xã hội	124.187.991	34.893.782
Nhận ký quỹ ngắn hạn	106.756.000	91.784.000
Cổ tức phải trả	273.034.350	273.694.350
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	194.779.000	233.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên và không thường xuyên phải nộp hộ	390.381.049	102.707.013
Các khoản phải trả khác	-	245.030.961
<b>Cộng</b>	<b><u>1.268.565.534</u></b>	<b><u>1.104.667.110</u></b>

#### 19b. Phải trả dài hạn khác

Tiền đặt cọc thuê kho của khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. Vay và nợ thuê tài chính

##### 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	2.250.000.000	2.250.000.000	-	-
Vay của Giám đốc Công ty <sup>(i)</sup>	2.250.000.000	2.250.000.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác và cá nhân</i>	159.799.634.931	159.799.634.931	126.684.176.131	126.684.176.131
Vay ngắn hạn Ngân hàng <sup>(ii)</sup>	147.917.198.294	147.917.198.294	112.712.739.494	112.712.739.494
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(iii)</sup>	11.882.436.637	11.882.436.637	13.971.436.637	13.971.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	360.000.000	360.000.000	450.000.000	450.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	194.400.000	194.400.000	194.400.000	194.400.000
<b>Cộng</b>	<b>162.604.034.931</b>	<b>162.604.034.931</b>	<b>127.328.576.131</b>	<b>127.328.576.131</b>

(i) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Võ Minh Tân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất Ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất Ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay	Kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
		phát sinh trong kỳ	từ vay và nợ dài hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.712.739.494	206.819.008.318	-	(171.614.549.518)	147.917.198.294
Vay ngắn hạn các cá nhân	13.971.436.637	5.302.632.000	-	(5.141.632.000)	14.132.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	450.000.000	-	135.000.000	(225.000.000)	360.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	194.400.000	-	97.200.000	(97.200.000)	194.400.000
<b>Cộng</b>	<b>127.328.576.131</b>	<b>212.121.640.318</b>	<b>232.200.000</b>	<b>(177.078.381.518)</b>	<b>162.604.034.931</b>

815.  
TY  
HUUH  
A TUV  
C  
HỒ CỐ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng <sup>(i)</sup>	202.500.000	202.500.000	337.500.000	337.500.000
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	95.908.200	95.908.200	193.108.200	193.108.200
Nợ dài hạn khác <sup>(ii)</sup>	43.325.176	43.325.176	43.325.176	43.325.176
<b>Cộng</b>	<b>341.733.376</b>	<b>341.733.376</b>	<b>573.933.376</b>	<b>573.933.376</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị xưởng thuốc, nhà làm việc và nhà kho các chi nhánh với lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ và được xác định lại định kỳ 3 tháng 1 lần; thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.

<sup>(ii)</sup> Số tiền nhận nợ không trả lãi từ Quỹ hỗ trợ của Bộ Y tế.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	562.500.000	360.000.000	202.500.000
Nợ thuê tài chính	290.308.200	194.400.000	95.908.200
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
<b>Cộng</b>	<b>896.133.376</b>	<b>554.400.000</b>	<b>341.733.376</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	787.500.000	450.000.000	337.500.000
Nợ thuê tài chính	387.508.200	194.400.000	193.108.200
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
<b>Cộng</b>	<b>1.218.333.376</b>	<b>644.400.000</b>	<b>573.933.376</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền gốc phải trả	194.400.000	95.908.200	290.308.200
Lãi thuê phải trả	34.259.909	6.141.443	40.401.352
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>228.659.909</b>	<b>102.049.643</b>	<b>330.709.552</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền gốc phải trả	194.400.000	193.108.200	387.508.200
Lãi thuê phải trả	49.410.165	19.431.660	68.841.825
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>243.810.165</b>	<b>212.539.860</b>	<b>456.350.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển	Số cuối kỳ
		sang vay và nợ ngắn hạn	
Vay dài hạn ngân hàng	337.500.000	(135.000.000)	202.500.000
Nợ thuê tài chính	193.108.200	(97.200.000)	95.908.200
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
<b>Cộng</b>	<b>573.933.376</b>	<b>232.200.000</b>	<b>341.733.376</b>

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	38.611.836	19.251.303
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.136.756.638	111.627.226
Chi quỹ	(448.138.600)	(116.435.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>727.229.874</b>	<b>14.443.529</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cơ khí Ngân hàng	36.000.000.000	17.000.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	33.998.950.000	52.998.950.000
<b>Cộng</b>	<b>69.998.950.000</b>	<b>69.998.950.000</b>

**22c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.999.895	6.999.895
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.999.895	6.999.895
- Cổ phiếu phổ thông	6.999.895	6.999.895
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.999.895	6.999.895
- Cổ phiếu phổ thông	6.999.895	6.999.895
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 22d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/ĐHĐCĐTN2014 ngày 17 tháng 4 năm 2015 lợi nhuận năm 2014 được phân phối như sau:

VND

- Chia cổ tức lần 2 năm 2014 cho các cổ đông bằng cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ : 6.999.890.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế : 1.136.756.638

Khoản cổ tức phải trả trên chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ do đang làm thủ tục tăng vốn bằng cổ tức và phát hành cổ phiếu.

#### 23. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

#### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 24a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	20,710.65	20,700.24
Euro (EUR)	120.77	120.71

##### 24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu ông Hoàng Lê Duy Việt – Kế toán trưởng chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng – với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đang sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	264.904.695.444	259.743.411.446
Doanh thu bán thành phẩm	2.045.478.985	1.689.759.860
Doanh thu cho thuê mặt bằng	65.790.780	95.418.016
<b>Cộng</b>	<b>267.015.965.209</b>	<b>261.528.589.322</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên doanh Meyer - BPC được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	796.393.060	941.307.489
Hàng bán bị trả lại	1.144.485.052	1.502.462.555
Giảm giá hàng bán	2.875.190	1.746.200
<b>Cộng</b>	<b>1.943.753.302</b>	<b>2.445.516.244</b>

TRẮC KIỂM  
V.Đ.T

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã tiêu thụ.

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.285.382	97.239.921
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	86.456.001	124.011.430
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.167.790.348	965.427.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.059.824.702	1.081.598.150
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	237.050.960
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	24.282.168
Thu nhập tài chính khác	167.343.023	207.681.965
<b>Cộng</b>	<b>5.488.699.456</b>	<b>2.737.292.194</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.066.971.492	4.932.055.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.605.416.251	1.126.758.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	812.023.037	401.559.836
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	39.755.566
Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	90.830.000	159.549.455
Các khoản khác	242.360	6.833.362
<b>Cộng</b>	<b>6.575.483.140</b>	<b>6.666.511.596</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.686.874.230	30.242.376.172
Chi phí vật liệu, bao bì	314.552.213	1.011.129.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	498.211.666	478.486.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.259.620.962	2.898.420.918
Chi phí khuyến mãi	4.454.899.485	5.232.215.125
Các chi phí khác	2.982.124.112	4.073.012.660
<b>Cộng</b>	<b>31.196.282.668</b>	<b>43.935.640.999</b>

0044  
: 0N  
4 NHIE  
10AN  
A 8  
H-T.F

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.464.328.347	3.484.454.790
Chi phí vật liệu quản lý	94.613.266	213.583.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	757.151.340	750.201.336
Thuế, phí và lệ phí	386.115.246	268.351.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.630.469.828	1.176.279.121
Các chi phí khác	1.626.093.165	1.242.354.604
<b>Cộng</b>	<b>18.958.771.192</b>	<b>7.135.224.513</b>

**8. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng khuyến mãi	303.920.514	303.111.109
Chênh lệch hàng thừa khi kiểm kê	150.113.083	21.303.577
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	413.437.503	258.308.231
Các khoản nợ không còn phải trả	2.210.569.880	3.408.911.279
Thu nhập khác	81.091.586	118.569.458
<b>Cộng</b>	<b>3.159.132.566</b>	<b>4.110.203.654</b>

**9. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	89.173.927	-
Các khoản khác	146.945	6.769.209
<b>Cộng</b>	<b>89.320.872</b>	<b>6.769.209</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.281.015.996	5.573.082.615
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(185.620.320)	(557.308.261)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	9.095.395.676	5.015.774.354
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	6.999.895	2.948.500
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.299</b>	<b>1.701</b>

**10b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.890 VND xuống còn 1.170VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.096.085.807	2.146.422.173
Chi phí nhân công	35.776.583.536	34.280.545.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.892.269.336	1.869.829.884
Chi phí khuyến mãi	4.454.899.485	5.232.215.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.132.234.586	4.411.951.395
Chi phí khác	5.021.095.226	5.623.815.725
<b>Cộng</b>	<b>52.373.167.976</b>	<b>53.564.779.788</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng  
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản tương đương tiền bị giới hạn quyền sử dụng do được dùng làm đảm bảo cho Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.1).

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	34.525.527	34.525.527
Trên 1 năm đến 5 năm	138.102.108	138.102.109
Trên 5 năm	224.415.926	241.678.691
<b>Cộng</b>	<b>397.043.561</b>	<b>414.306.327</b>

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Ban điều hành như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Vay ngắn hạn	2.250.000.000	-
Lãi vay phải trả	14.062.500	-
Tạm ứng công tác	10.000.000	35.000.000





## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18 và V.20.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 879.212.804 VND (cùng kỳ năm trước là 721.668.966 VND).

### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty liên doanh Bepharco - BPC là công ty liên doanh.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.14a.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

### 3. **Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất qui mô nhỏ, doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 1% tổng doanh thu).

### 4. **Số liệu so sánh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu trước trình bày lại	Trình bày lại	Số liệu sau khi trình bày lại
<b><i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i></b>			
Đầu tư ngắn hạn	1.152.086.539	(1.152.086.539)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	1.152.086.539	1.152.086.539
Phải thu ngắn hạn khác	734.151.068	8.707.258.391	9.441.409.459
Tài sản ngắn hạn khác	8.707.258.391	(8.707.258.391)	-
Phải thu dài hạn khác	-	96.400.000	96.400.000
Tài sản dài hạn khác	96.400.000	(96.400.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	5.008.977.974	3.867.148.532	8.876.126.506
Quỹ dự phòng tài chính	3.867.148.532	(3.867.148.532)	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Số liệu trước trình bày lại	Trình bày lại	Số liệu sau khi trình bày lại
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>			
Giá vốn hàng bán	214.066.247.732	(13.296.384.409)	200.769.863.323
Chi phí bán hàng	34.363.839.217	9.571.801.782	43.935.640.999
Chi phí quản lý	5.995.826.400	1.139.398.108	7.135.224.508
Thu nhập khác	17.406.588.063	(13.296.384.409)	4.110.203.654
Chi phí khác	10.717.969.099	(10.711.199.890)	6.769.209

**5. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**5a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

**Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.593.787.306	-	-	17.593.787.306
Chứng khoán kinh doanh	49.236.529	-	1.102.850.010	1.152.086.539
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.084.470.000	-	-	5.084.470.000
Phải thu khách hàng	65.571.373.558	15.613.150.146	-	81.184.523.704
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	16.901.956.032	-	-	16.901.956.032
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.777.446.000	-	-	10.777.446.000
<b>Cộng</b>	<b>115.978.269.425</b>	<b>15.613.150.146</b>	<b>1.102.850.010</b>	<b>132.694.269.581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.489.476.885	-	-	12.489.476.885
Chứng khoán kinh doanh	49.236.529	-	1.102.850.010	1.152.086.539
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	49.647.315.789	12.567.404.250	-	62.214.720.039
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	7.964.956.931	-	-	7.964.956.931
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.859.814.000	-	-	3.859.814.000
<b>Cộng</b>	<b>74.010.800.134</b>	<b>12.567.404.250</b>	<b>1.102.850.010</b>	<b>87.681.054.394</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn dưới 6 tháng	12.943.981.967	11.228.185.350
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	1.894.565.991	889.982.531
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	430.181.880	107.416.061
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	119.915.850	120.272.850
Quá hạn trên 3 năm	224.504.458	221.547.458
<b>Cộng</b>	<b>15.613.150.146</b>	<b>12.567.404.250</b>

**5b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ	162.604.034.931	341.733.376	162.945.768.307
Phải trả người bán	135.425.150.880	-	135.425.150.880
Các khoản phải trả khác	2.251.545.430	57.081.000	2.308.626.430
<b>Cộng</b>	<b>300.280.731.241</b>	<b>398.814.376</b>	<b>300.679.545.617</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	127.328.576.131	573.933.376	127.902.509.507
Phải trả người bán	85.186.179.511	-	85.186.179.511
Các khoản phải trả khác	3.431.759.308	57.081.000	3.488.840.308
<b>Cộng</b>	<b>215.946.514.950</b>	<b>631.014.376</b>	<b>216.577.529.326</b>

449  
 NG T  
 HIEM H  
 AN VÀ  
 & C  
 TP.HC

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh dược phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản trong đương tiền	20.710,65	120,77	20.700,24	120,71
Phải trả người bán	(603.420,09)	(3.512.896,01)	(113.516,00)	(1.569.207,69)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(582.709,44)</b>	<b>(3.512.775,24)</b>	<b>(92.815,76)</b>	<b>(1.569.086,98)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

15.0  
Y  
JUNA  
TUVA  
CHIT

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 162.902.443.131 VND (số đầu năm là 127.859.184.331 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 2.541.278.113 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.923.060.567 VND).

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 975.683.000 VND (số đầu năm là 1.063.321.000 VND).

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### **5d. Tài sản đảm bảo**

#### *Tài sản cầm cố cho đơn vị khác*

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và dưới 12 tháng để là đảm bảo cho Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.1 và V.2b). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 5.422.786.517 VND (số đầu năm là 0 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực.

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.593.787.306	-	12.489.476.885	-	17.593.787.306	12.489.476.885
Chứng khoán kinh doanh	1.152.086.539	(181.830.006)	1.152.086.539	(91.000.006)	970.256.533	1.061.086.533
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.084.470.000	-	-	-	5.084.470.000	-
Phải thu khách hàng	81.184.523.704	(432.959.719)	62.214.720.039	(432.959.719)	80.751.563.985	61.781.760.320
Các khoản phải thu khác	16.901.956.032	-	7.964.956.931	-	16.901.956.032	7.964.956.931
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.777.446.000	-	3.859.814.000	-	10.777.446.000	3.859.814.000
<b>Cộng</b>	<b>132.694.269.581</b>	<b>(614.789.725)</b>	<b>87.681.054.394</b>	<b>(523.959.725)</b>	<b>132.079.479.856</b>	<b>87.157.094.669</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	162.945.768.307	127.902.509.507	162.945.768.307	127.902.509.507
Phải trả người bán	135.425.150.880	85.186.179.511	135.425.150.880	85.186.179.511
Các khoản phải trả khác	2.308.626.430	3.488.840.308	2.308.626.430	3.488.840.308
<b>Cộng</b>	<b>300.679.545.617</b>	<b>216.577.529.326</b>	<b>300.679.545.617</b>	<b>216.577.529.326</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 24 tháng 7 năm 2015 Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với Công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2. Theo hợp đồng này, Công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 đồng ý bán cho Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre 2.696.950 cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần (chiếm tỷ lệ 14,76% vốn điều lệ) với giá bán là 10.100 VND/cổ phần để chuyển Công ty TNHH MTV dược phẩm Trung ương 2 thành công ty cổ phần mang tên Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Codupham. Hiện Công ty đang thực hiện các bước theo qui định trong hợp đồng.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bến Tre, ngày 28 tháng 7 năm 2015

**Nguyễn Thanh Trúc**  
Người lập biểu

**Nguyễn Văn Chí Cường**  
Kế toán trưởng



**Võ Minh Tân**  
Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 1: Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	266.342.689	-	1.169.342.317	(1.128.011.030)	307.673.976	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(56.990.226)	9.706.476.010	(9.726.771.747)	-	(77.285.963)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(2.922.904)	-	-	-	(2.922.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.696.464	-	2.607.323.017	(2.227.511.427)	1.674.508.054	-
Thuế thu nhập cá nhân	867.018.883	-	17.280.000	(1.145.699.675)	-	(261.400.792)
Thuế nhà đất	-	-	604.800	(604.800)	-	-
Tiền thuế đất	-	(348.091.798)	316.651.000	-	-	(31.440.798)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	17.000.000	(17.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.428.058.036</b>	<b>(408.004.928)</b>	<b>13.834.677.144</b>	<b>(14.245.598.679)</b>	<b>1.982.182.030</b>	<b>(373.050.457)</b>

Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 28 tháng 7 năm 2015



Võ Minh Tân  
Giám đốc





## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	26.493.488.000	(1.264.443.840)	7.772.872.054	2.536.822.093	20.129.502.071	85.668.240.378
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	5.573.082.615	5.573.082.615
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	1.103.254.452	-	(1.214.881.678)	(111.627.226)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(2.948.500.000)	(2.948.500.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	(53.398.091)	(53.398.091)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>26.493.488.000</b>	<b>(1.264.443.840)</b>	<b>8.876.126.506</b>	<b>2.536.822.093</b>	<b>21.485.804.917</b>	<b>88.127.797.676</b>
Số dư đầu năm nay	69.998.950.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	10.773.776.694	92.723.731.453
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	9.281.015.996	9.281.015.996
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(1.136.756.638)	(1.136.756.638)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>69.998.950.000</b>	<b>538.056.160</b>	<b>-</b>	<b>8.876.126.506</b>	<b>2.536.822.093</b>	<b>18.918.036.052</b>	<b>100.867.990.811</b>

Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng



Wõ Minh Tân  
Giám đốc

